

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL23B2KH
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lý luận nhà nước và pháp luật(2)	Luật Đất đai(2)	Luật Lao động(2)	Luật Hiến pháp và Hành chính(2)	Hòa giải tuyên truyền pháp luật(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353801015299	Đoàn Văn Dề	01/01/1975	6.6	8.1	7.3	8.6	8.6	6.3	8.8	8.0	7.8	7.7	7.9	Khá
02	2353801015300	Nguyễn Thị Huỳnh Như	04/10/2003	8.2	8.5	8.1	8.0	8.9	8.6	8.8	8.6	7.7	9.1	8.5	Giỏi
03	2353801015301	Nguyễn Văn Vũ Phương	30/08/1995	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.2	0.0	0.0	0.3	Yếu
04	2353801015302	MATH SA RI	18/08/1968	7.6	9.3	9.0	9.2	8.8	8.9	9.5	8.0	7.6	9.2	8.8	Giỏi
05	2353801015303	Vũ Đình Sơn	07/02/1998	8.5	8.5	8.4	9.2	9.0	8.9	9.0	7.0	6.5	8.9	8.4	Giỏi
06	2353801015304	Lê Minh Tâm	30/05/1994	3.5	2.8	3.5	2.9	0.0	0.0	0.0	2.3	0.0	3.3	1.5	Yếu
07	2353801015305	Phạm Hồng Thái	29/09/1981	8.5	9.0	9.6	9.1	9.1	9.2	9.3	7.0	8.3	9.0	8.8	Giỏi
08	2353801015306	Trần Thị Thắm	20/07/1984	5.5	8.3	8.4	9.2	8.9	7.4	9.5	8.3	7.2	8.9	8.5	Giỏi
09	2353801015307	Nguyễn Phúc Thành	17/04/1987	6.8	8.3	9.0	8.8	8.9	8.8	9.1	7.9	6.2	8.2	8.3	Giỏi
10	2353801015308	Đoàn Văn Thi	06/09/1976	7.4	7.9	8.0	8.9	9.2	8.8	9.1	8.2	7.8	8.9	8.6	Giỏi
11	2353801015309	Hồ Văn Thích	09/09/1982	6.9	7.7	9.2	9.1	8.8	8.8	9.1	8.1	6.7	8.0	8.3	Giỏi
12	2353801015310	Dương Bảo Toàn	07/02/1986	7.8	7.7	9.3	8.6	8.0	7.2	8.4	7.4	7.6	8.8	8.0	Giỏi
13	2353801015311	Huỳnh Ngọc Thùy Trang	15/01/1983	7.0	7.9	9.0	9.2	8.5	9.2	9.3	7.8	7.9	9.0	8.6	Giỏi
14	2353801015312	Phạm Minh Trí	25/04/1999	8.0	8.3	8.6	8.2	8.6	8.9	9.1	7.9	7.3	9.2	8.4	Giỏi
15	2353801015313	Hồ Phước Trọng	12/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
16	2353801015314	Huỳnh Ngọc Trọng	19/01/2004	9.3	8.2	7.8	8.6	8.4	7.1	8.8	8.3	7.6	7.9	8.1	Giỏi
17	2353801015315	Lâm Trung Trục	21/03/2005	8.8	7.9	8.9	8.9	8.8	8.5	9.0	8.2	8.1	8.3	8.5	Giỏi
18	2353801015316	Phùng Thành Tú	28/02/1998	9.7	8.5	8.8	9.0	8.8	8.5	8.9	7.7	8.1	9.3	8.6	Giỏi
19	2353801015317	Phạm Văn Tuấn	24/10/1976	9.8	9.0	9.6	9.2	9.2	9.1	9.3	8.4	8.6	9.3	9.0	Xuất sắc
20	2353801015318	Thái Văn Út	15/03/1986	9.3	7.9	9.6	8.6	9.3	9.2	9.3	7.5	8.7	8.8	8.7	Giỏi

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục thể chất(1)	Tin học(2)	Pháp luật(1)	Kỹ năng mềm(2)	Lý luận nhà nước và pháp luật(2)	Luật Đất đai(2)	Luật Lao động(2)	Luật Hiến pháp và Hành chính(2)	Hòa giải tuyên truyền pháp luật(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
21	2353801015319	Hàng Thị Ái	Vân	06/07/1997	8.2	7.7	8.9	9.0	8.7	8.9	8.8	8.4	8.3	9.0	8.6	Giỏi
22	2353801015320	Lê Thị Kim	Yến	30/05/2003	8.5	7.9	8.9	8.4	8.9	8.5	8.7	8.1	7.9	9.2	8.5	Giỏi
23	2353801015371	Lê Văn	Sơn	15/06/2001	2.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.0	0.3	Yếu
24	2353801015376	Lê Nguyễn Thị Tú	Yên	18/10/2004	9.4	7.2	7.2	8.6	8.3	7.1	8.7	8.4	6.2	7.4	7.7	Khá

*Lưu ý : Môn học **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 01 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng**Trần Quốc Thái**